

MÔ HÌNH CỘNG ĐỒNG OER CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Phạm Tiến Toàn*

Tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) là các học liệu được cấp phép cho việc sửa đổi, phân phối, sử dụng, và tái sử dụng miễn phí trong hoạt động dạy, học và nghiên cứu (UNESCO, 2002). OER được coi là giải pháp khả thi và phù hợp cho nhiều trường đại học hiện nay trong việc phát triển học liệu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Bởi lẽ, OER được kỳ vọng sẽ: tiết kiệm chi phí đầu tư và phát triển học liệu; đa dạng và nâng cao chất lượng nội dung cũng như số lượng học liệu; khuyến khích khám phá, tìm hiểu, hợp tác và tạo ra các giá trị thông tin/tri thức mới.

Bài viết chỉ ra các lý do trường đại học cần có OER, đưa ra mô hình triển khai OER cho trường đại học và các yếu tố cơ bản được đề cập trong mô hình đó.

* ThS., Khoa Thông tin - Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

1. TẠI SAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN CÓ OER?

Giải pháp phát triển học liệu giáo dục mới: Với OER, các trường đại học có thêm một giải pháp cho việc tăng cường chia sẻ và hợp tác phát triển học liệu (Johnstone, 2005). Học liệu vốn đóng vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng hoạt động dạy - học, nghiên cứu và chuyển giao tri thức tại trường đại học, điều này càng được khẳng định trong bối cảnh các trường đại học đang triển khai phương thức đào tạo theo tín chỉ. Phương thức đào tạo này yêu cầu người học cần phải chủ động tiếp cận tri thức theo định hướng của người dạy, phát huy tính sáng tạo, tự chủ và độc lập trong hoạt động học tập, nghiên cứu. Để đạt được thành công khi triển khai phương thức này, một trong những nhân tố quan trọng mà mỗi trường đại học cần ưu tiên thực hiện là xây dựng và phát triển hệ thống học liệu phục vụ giáo dục. Mô hình phát triển hệ thống học liệu trước đây vẫn chủ yếu dựa trên quy trình khép kín trong các trường đại học và thư viện tại mỗi trường đại học đóng vai trò trung tâm trong hoạt động tổ chức, xử lý, lưu trữ và phục vụ nguồn học liệu này. OER được coi là giải pháp mới, phù hợp cho các trường đại học hiện nay trong hoạt động phát triển học liệu theo xu hướng mở.

Tiết kiệm chi phí phát triển học liệu giáo dục: OER hoạt động với triết lý cộng đồng đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng trên cơ sở quyền cấp phép mở không tính phí. Những người tham gia cộng đồng OER đều có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp tài nguyên thông tin vào nguồn lực thông tin chung của cộng đồng để rồi chính họ cũng có quyền lợi khai thác nguồn tài nguyên thông tin chung đó. Thành viên tham gia cộng đồng này không có nghĩa vụ phải trả các khoản phí khi sử dụng tài nguyên giáo dục chung, đồng thời cũng không nhận được bất kỳ lợi nhuận tài chính nào qua việc đóng góp tài nguyên thông tin cho cộng đồng đó. Điều này cho thấy rằng, trường đại học sẽ không mất chi phí cho việc tiếp nhận, bổ sung các nguồn học liệu giáo dục mở đó (Wiley et al, 2012).

Tăng cường số lượng và chất lượng, đa dạng hóa nội dung học liệu: Quá trình tương tác giữa người sử dụng và cộng đồng OER diễn ra theo hai hướng: đóng góp và khai thác. Hai hướng hoạt động này hỗ trợ, tuần hoàn, và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trên cơ sở đóng góp tài nguyên giáo dục cá nhân vào nguồn tài nguyên giáo dục mở cho cộng đồng, người sử dụng có quyền lợi khai thác nguồn tài nguyên thông tin chung ấy. Quá trình này sẽ sản sinh ra các tài nguyên mới, có chất lượng và phản ánh những vấn đề mới mẻ hơn so với tài nguyên thông tin mà họ đã sử dụng ban đầu (Clements & Pawlowski, 2012).

Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và hợp tác: Trên cơ sở tầm nhìn và nhiệm vụ, mỗi cộng đồng OER đều có những chiến lược phát triển tương ứng. Tuy nhiên, xuất phát từ triết lý cộng đồng tương tác để tự xây dựng, phát triển tài nguyên cho cộng đồng nên tổ chức OER nào cũng khuyến khích các hoạt động kết nối, chia sẻ và hợp tác. Thông qua hoạt động đóng góp, chia sẻ và sử dụng tài nguyên OER, các thành viên (cá nhân hoặc tổ chức) tham gia cộng đồng có nhiều cơ hội trao đổi thông tin, lĩnh hội tri thức, tìm thấy những đối tác có cùng định hướng học tập, nghiên cứu. Rồi từ đó, họ đi đến hợp tác thực hiện các công việc, công trình, dự án hiệu quả và chất lượng hơn. Quá trình này giúp cho mạng lưới kết nối giữa của các thành viên càng được mở rộng và gắn kết tương hỗ, chặt chẽ hơn (Kurshan, 2008). Thông qua sự tương tác chia sẻ, hợp tác thực hiện, giá trị chất lượng và số lượng tài nguyên thông tin giáo dục trong cộng đồng OER ngày càng gia tăng.

Khuyến khích học tập, nghiên cứu, sáng tạo: OER tại các trường đại học đem đến cho cộng đồng sử dụng môi trường và cơ hội để gặp gỡ, trao đổi, giao lưu và chia sẻ để đi đến kết nối và nhận được những giá trị nhất định từ môi trường này (Johnstone, 2005). Người tham gia OER có cơ hội tiếp cận nguồn tài nguyên chất lượng được cấp phép mở, đa dạng và phong phú về số lượng mà không phải trả các khoản phí cho việc sử dụng vào mục đích học tập và giáo dục. Họ có thể được phép khai thác tài nguyên giáo dục

mở dựa trên các 5 quyền cơ bản (theo tổ chức Creative Commons Attribution 4.0) vốn được định nghĩa nhằm khuyến khích hoạt động học tập, sáng tạo và trao đổi thông tin, tri thức của người dùng:

- Sử dụng lại (reuse): sử dụng tài nguyên học liệu cho các mục đích cá nhân trên cơ sở bảo đảm tính nguyên vẹn của tài nguyên;

- Làm lại (revise): thay đổi, chỉnh sửa, điều chỉnh nội dung;

- Pha trộn (remix): kết hợp các tài nguyên học liệu khác nhau với mục đích tạo ra tài nguyên mới;

- Phân phối lại (redistribute): chia sẻ tài nguyên gốc, tài nguyên đã chỉnh sửa hoặc pha trộn với người khác;

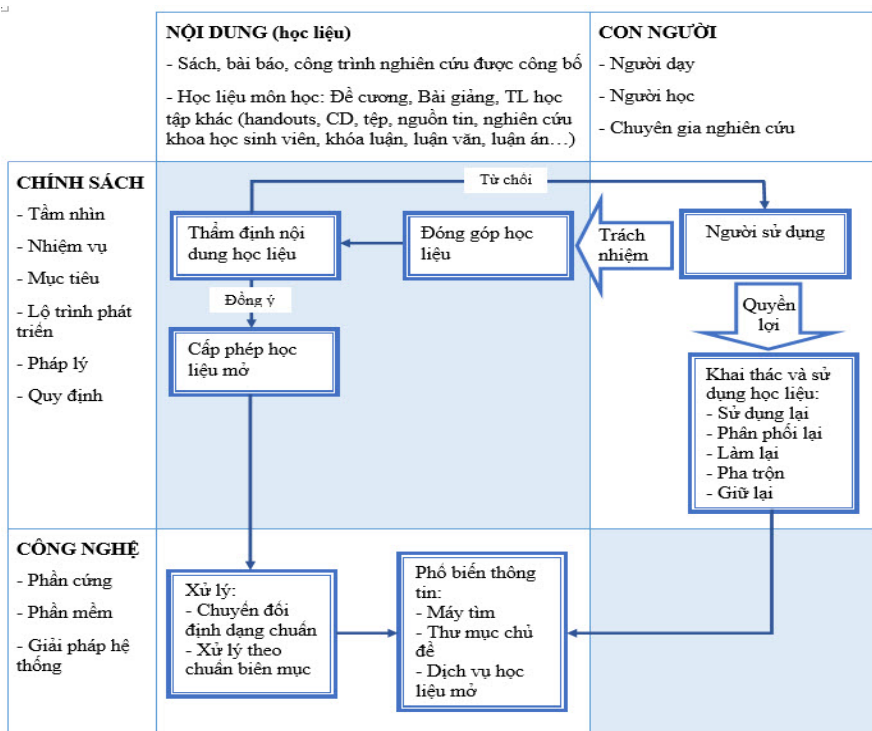
- Giữ lại (retain): có thể tạo lập, sở hữu, và kiểm soát các bản sao tài nguyên thông tin;

Qua quá trình sử dụng tài nguyên giáo dục mở, người dùng lại sản sinh ra các tài liệu mới cùng với những giá trị thông tin, tri thức mới. Những tài nguyên mới này lại tiếp tục được đóng góp để cộng đồng OER cùng khai thác và sử dụng.

Bổ sung CSDL phục vụ hoạt động phòng chống đạo văn: Mỗi môi trường đại học có thể sử dụng nhiều giải pháp khác nhau để đối phó với vấn đề đạo văn. Dưới góc độ nội dung thông tin, giải pháp chủ yếu cho vấn đề đạo văn là đối chiếu, so sánh với tài nguyên thông tin trong (chủ yếu nằm dưới sự quản lý thư viện đại học) và ngoài trường (thông tin trên mạng Internet và nguồn lực thông tin của các đối tác liên kết). OER cung cấp nguồn lực thông tin phản ánh sát thực qua hoạt học tập, giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao tri thức của môi trường đại học. Nguồn cơ sở dữ liệu này sẽ được sử dụng cho việc đối chiếu, so sánh với các sản phẩm được đánh giá trong chính các hoạt động học tập, giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao đó (Mackintosh, 2011). Đây là một trong những công cụ hữu hiệu hướng tới việc ngăn chặn và hạn chế vấn đề đạo văn, vốn đang là vấn đề cần quan tâm hàng đầu của các trường đại học.

2. MÔ HÌNH CỘNG ĐỒNG OER VÀ CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG OER CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.1. Mô hình



Mô hình cộng đồng OER cho trường đại học

2.2. Các yếu tố cơ bản của hệ thống OER

Chính sách: Để hệ thống OER hoạt động bền vững và ổn định, yếu tố đầu tiên cần xây dựng là chính sách phát triển của hệ thống từ ngắn hạn cho đến dài hạn (Stacey, 2010). Cụ thể, chính sách cần tính tới các nội dung cơ bản sau:

- Tầm nhìn xuyên suốt của hệ thống OER cần được thống nhất với tầm nhìn và lộ trình phát triển của trường đại học. Tầm nhìn sẽ định hướng đến toàn bộ các nội dung khác của chính sách cũng như định hướng hoạt động của cộng đồng OER (Witthaus, 2012)..

- Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược.

- Lộ trình phát triển.

- Các vấn đề pháp lý vĩ mô và các quy định cụ thể: Trọng tâm của nội dung này tập trung vào giấy phép bản quyền đối với tài nguyên giáo dục mở (được đóng góp hoặc được khai thác) và các quy định đặc thù của mỗi trường đại học.

Nội dung: Học liệu đóng góp cho OER khá đa dạng về nội dung lẫn hình thức (Downes, 2007). Về nội dung, có thể chia thành 2 loại: Tài liệu được công bố và tài liệu không/chưa công bố. Những tài liệu này đều được thẩm định nội dung trước khi được bổ sung vào tài nguyên OER. Sau khi đã đáp ứng yêu cầu về nội dung, tài liệu sẽ được cấp phép các quyền tương ứng với quy định của hệ thống giấy phép được áp dụng. Về hình thức, tài liệu có thể được tiếp nhận dưới nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên sau khi tiếp nhận, chúng đều được xử lý theo chuẩn công nghệ và chuẩn nghiệp vụ đã được thống nhất bởi hệ thống.

Kinh phí: Để OER có thể hình thành và phát triển ổn định, cần có kinh phí đầu tư ban đầu cho quá trình hình thành, và các khoản phí ổn định cho việc duy trì và phát triển lâu dài (Stacey, 2010). Kinh phí có thể huy động từ các nguồn sau:

Kinh phí từ trường đại học: Quyết định triển khai OER đồng nghĩa với việc các trường đại học sẽ chuẩn bị khoản kinh phí nhất định cho việc hình thành, duy trì và phát triển OER.

Kinh phí từ OER: Về bản chất, tài nguyên OER được sử dụng miễn phí cho mục đích giáo dục, tuy nhiên với những hoạt động sử dụng tài nguyên OER dưới đây, việc cân nhắc tính phí là cần thiết:

- Sử dụng cho mục đích thương mại;

- Sử dụng cho các dự án được tài trợ kinh phí;
- Sử dụng các dịch vụ thông tin được triển khai trong cộng đồng OER: dịch vụ khai thác thông tin; dịch vụ đào tạo, ...

Kinh phí từ hoạt động đóng góp tự nguyện: OER đem lại lợi ích chung cho cộng đồng theo cơ chế mở. Việc huy động đóng góp, tài trợ kinh phí từ những cá nhân, tổ chức trong và ngoài cộng đồng OER là điều phù hợp. Bởi một khi đã thu nhận miễn phí các giá trị nhất định từ nguồn lực OER, các cá nhân hay tổ chức (đặc biệt là những đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ OER) có thể sẽ đóng góp tài chính cho sự tồn tại và phát triển ổn định của OER.

Công nghệ: Công nghệ đầu tư cho hệ thống OER có thể chia thành các nội dung chính, đó là: hệ thống phần cứng, hệ thống phần mềm, quy trình công nghệ, và giải pháp mạng kết nối (Stacey, 2010). Hệ thống tập trung vào các nội dung: xử lý dữ liệu theo chuẩn công nghệ và chuẩn nghiệp vụ; đưa ra tổ chức khai thác với nhiều công cụ và dịch vụ khác nhau.

Con người: Để hệ thống OER vận hành, nhiều nhóm nhân lực tham gia vào quá trình này như: nhóm quản lý, nhóm nghiệp vụ, nhóm giải pháp, nhóm kỹ thuật, ... Tuy nhiên, yếu tố con người được đề cập đến trong quy trình bài viết này là nhóm nhân lực tạo lập và đồng thời khai thác tài nguyên giáo dục OER, cụ thể là các nhóm:

- Người dạy: giảng viên, chuyên gia;
- Người học: sinh viên, học viên sau đại học, nghiên cứu sinh;
- Chuyên gia nghiên cứu;

KẾT LUẬN

Tài nguyên giáo dục mở là giải pháp phù hợp cho các trường đại học trong quá trình phát triển nguồn học liệu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao tri thức. Việc triển khai OER tại trường đại học là cần thiết, tuy nhiên để triển khai thành công, ngoài sự thông suốt và thống nhất về nhận thức, trường đại học còn phải nắm bắt đầy đủ các yếu tố cơ bản của OER cùng mô hình hoạt động của cộng đồng này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Clements, K. I., & Pawlowski, J. M. (2012). User-oriented quality for OER: Understanding teachers' views on re-use, quality, and trust. *Journal of Computer Assisted Learning*, 28(1), 4-14.
2. Creative Commons. Retrieved from <http://creativecommons.org/>.
3. Downes, S. (2007). Models for Sustainable Open Educational Resources. *Interdisciplinary Journal of Knowledge and Learning Objects*. Volume 3, pp. 29-44.
4. Johnstone, S. M. (2005). Open educational resources serve the world. *Educause Quarterly*, 28(3), 15.
5. Kurshan, B. B. (2008). OER Models that Build a Culture of Collaboration: A Case Exemplified by Curriki. *eLearning Papers*, (10), 3.
6. Mackintosh, W., McGreal, R., & Taylor, J. (2011). Open Education Resources (OER) for assessment and credit for students project: Towards a logic model and plan for action.
7. Stacey, P. (2010). Foundation Funded OER Vs. Tax Payer Funded OER – A Tale Of Two Mandates. Retrieved from <http://edtech-frontier.com/tag/oer-framework/>.

8. UNESCO. (2002). Open Educational Resources. Retrieved from <http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/access-to-knowledge/open-educational-resources/>.
9. Wiley, D., Green, C., & Soares, L. (2012). Dramatically Bringing down the Cost of Education with OER: How Open Education Resources Unlock the Door to Free Learning. Center for American Progress.
10. Witthaus, G. (2012). The OER University: from vision to reality. Proceedings of Cambridge 2012: Innovation and Impact-Openly Collaborating to Enhance Education.